

Số: /QĐ-UBND

Cao Lộc, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Lâm,  
huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của UBND huyện Cao Lộc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2011 – 2020;*

*Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 440/BC-KT&HT ngày 06/5/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000 như sau:

**1. Tên đồ án:** Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000.

## **2. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch, đơn vị tư vấn, cơ quan phê duyệt**

- Cơ quan phê duyệt: UBND huyện Cao Lộc.
- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
- Đơn vị tổ chức lập đồ án: UBND xã Bảo Lâm.
- Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và quy hoạch đô thị.

## **3. Sự cần thiết, mục tiêu lập quy hoạch**

### **3.1. Sự cần thiết lập quy hoạch**

Bảo Lâm là xã miền núi thuộc huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn. Nằm cách trung tâm huyện Cao Lộc khoảng 20km, cách thị trấn Đồng Đăng khoảng 6km có vị trí thuận lợi kết nối giao thông các khu vực phát triển trên toàn huyện. Xã Bảo Lâm đã phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo quyết định của UBND huyện Cao Lộc năm 2012.

Tiềm năng kinh tế xã Bảo Lâm chủ yếu là sản xuất nông lâm nghiệp, trồng cây ăn quả... và chăn nuôi gia súc gia cầm, nhờ hệ thống nương máng mà người dân có thể trồng hai vụ lúa và một vụ hoa màu trong năm. Hiện nay trên địa bàn xã có khá nhiều hộ sản xuất kinh doanh dịch vụ thương mại...

Đến nay, công tác xây dựng nông thôn mới xã Bảo Lâm đạt kết quả tích cực: Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, theo hướng sản xuất hàng hóa, với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao; đời sống của nông dân tiếp tục được cải thiện; diện mạo kiến trúc cảnh quan làng xã ngày một khang trang; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực nông thôn được giữ vững; hệ thống chính trị được củng cố ngày càng vững mạnh.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng nông thôn mới xã giai đoạn 2012-2020 đã bộc lộ một số hạn chế: Nguồn lực đầu tư cho công tác xây dựng nông thôn mới chủ yếu vẫn từ ngân sách nhà nước, việc thu hút nguồn lực xã hội chưa được nhiều; hệ thống hạ tầng xã hội - kỹ thuật đầu tư còn thiếu đồng bộ.

Vì vậy, để phát triển kế thừa quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2012-2020, việc lập “*Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000*” là rất cấp thiết, cần phải làm ngay. Làm cơ sở cho định hướng phát triển kinh tế - xã hội bền vững và là cơ sở cho việc quản lý xây dựng, sử dụng đất, phân bổ nguồn vốn đầu tư xây dựng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

### **3.2. Mục tiêu lập điều chỉnh quy hoạch**

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Việc lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới, mục tiêu đạt chuẩn Nông thôn mới theo quy định của Chính phủ.
- Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quá trình hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển dịch vụ, xác định các chỉ tiêu phát triển chung và cụ thể cho từng lĩnh vực của toàn xã, giữ

gìn phát huy bản sắc văn hóa tập quán của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái... nhằm đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước...); xây dựng, cải tạo công trình; chỉnh trang làng xóm, cảnh quan.

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

- Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã, làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư và là cơ sở để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

### **3.3 Tính chất, chức năng khu vực quy hoạch**

Xã Bảo Lâm nằm phía Tây Bắc huyện Cao Lộc, cách trung tâm huyện và thành phố Lạng Sơn khoảng 16km. Trung tâm xã Bảo Lâm cách cửa khẩu Hữu Nghị và cửa khẩu Pò Nhùng khoảng 4km theo trục đường tỉnh tỉnh ĐT235.

Được sự quan tâm của UBND Huyện Cao Lộc, xét thấy xã Bảo Lâm có điều kiện tự nhiên, có vị trí tiềm năng phát triển kinh tế, phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, xây dựng mô hình nông thôn mới. Đây là cơ hội cần thiết là điều kiện thuận lợi cho xã thực hiện quy hoạch để nhanh chóng xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân về vật chất tinh thần tiến gần với đời sống của người dân, cũng là cơ sở pháp lý để xã quản lý xây dựng, quản lý đất đai, quản lý sản xuất theo luật định.

## **4. Nhiệm vụ lập quy hoạch**

### **4.1. Phạm vi, ranh giới**

- Khu vực nghiên cứu quy hoạch thuộc xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn có ranh giới hành chính như sau:

- + Phía Bắc giáp xã đường biên giới Việt Trung.

- + Phía Nam giáp xã Thạch Đạn và xã Thụy Hùng.

- + Phía Đông giáp xã Thanh Lò.

- + Phía Tây giáp đường biên giới Việt Trung và thị trấn Đồng Đăng.

- Quy mô lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Lâm gồm toàn bộ diện tích trong đơn vị hành chính của xã khoảng: 4.058,6 ha.

### **4.2. Quy mô quy hoạch**

#### *4.2.1. Quy mô và cơ cấu dân số:*

Tổng dân số hiện trạng xã Bảo Lâm theo số liệu thống kê năm 2020 là 3.189 người.

- Dân số xã Bảo Lâm giai đoạn 2021-2030 được dự báo theo công thức sau:

$$N_t = N_o(1+n)^t$$

Trong đó:

$N_t$  - Số dân dự báo ở năm định hình quy hoạch.

$N_o$  - Số dân hiện trạng (ở thời điểm làm quy hoạch).

n - Tỷ lệ tăng dân số (bằng tổng tỉ lệ tăng dân số tự nhiên và cơ học hàng năm).

t - Thời hạn (số năm định hình quy hoạch).

Hiện nay, xã Bảo Lâm có tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 0,07%, tỷ lệ tăng cơ học khoảng 1,0%. Khả năng dung nạp cơ học cho dân cư nơi khác đến sinh sống và làm việc trên địa bàn khoảng 1.000 người.

Trong giai đoạn tới, với trình độ tri thức được nâng cao, đời sống nhân dân được cải thiện, các chương trình kế hoạch hóa gia đình được phổ biến rộng rãi, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên sẽ có xu hướng giảm đi.

Dự kiến xã Bảo Lâm trong giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ tăng tự nhiên giảm còn 1%/năm. Tuy nhiên theo định hướng phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn, xã Bảo Lâm tiếp giáp trực tiếp hành lang kinh tế các cửa khẩu Đồng Đăng, Hữu Nghị, Cốc Nam. Trực tiếp hơn trên địa bàn xã Bảo Lâm có cửa khẩu Pò Nhùng có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế trên địa bàn xã cũng như ngoài khu vực... những động lực phát triển kinh tế cửa khẩu đã và đang mang lại tốc độ tăng trưởng rõ rệt trên địa bàn. Từ đó sức thu hút người dân dịch cư đến và làm ăn kinh tế ở địa phương tăng lên. Đến năm 2030 dự kiến tăng dân số cơ học của xã khoảng 1,5%/năm. Khả năng dung nạp cơ học dự kiến 2.473 người.

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Hiện trạng năm 2020	Năm 2030
	<b>Tổng dân số toàn khu vực nghiên cứu</b>	<b>người</b>	<b>4.189</b>	<b>6.200</b>
<b>I</b>	<b>Dân số thường trú</b>	<b>người</b>	<b>3.189</b>	<b>3.727</b>
	Tỷ lệ tăng trưởng dân số thường trú	%	1,1	1,6
	Trong đó:			
-	<i>Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên</i>	%	0,07	0,07
-	<i>Tỉ lệ tăng cơ học</i>	%	1,00	1,50
<b>II</b>	<b>Khả năng dung nạp cơ học</b>	<b>người</b>	<b>1.000</b>	<b>2.473</b>

#### 4.2.2. Quy mô và cơ cấu lao động:

- Hiện trạng toàn khu vực: 4.189 người;

- Đến năm 2030: 6.200 người;

## 5. Các yêu cầu nội dung quy hoạch

### 5.1. Phân tích, đánh giá hiện trạng:

#### a) Đánh giá về điều kiện tự nhiên và nguồn tài nguyên thiên nhiên:

Phân tích, đánh giá các lợi thế và khó khăn về các mặt như: Vị trí địa lý; Địa hình; Địa chất, thủy văn; Khí hậu, thời tiết; Đất đai; Nguồn nước và các nguồn tài nguyên khác. Các ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, môi trường và các hệ sinh thái.

#### b) Hiện trạng dân số, đặc điểm về văn hóa, dân tộc và phân bố dân cư:

Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế xã hội của xã trong các mặt như: thực trạng dân số, lao động, việc làm và đặc điểm dân cư; tỷ lệ hộ đói, nghèo; Các chỉ

tiêu về kinh tế - xã hội khác: giáo dục, y tế, văn hóa.... Cần làm rõ những mặt đạt được và các mặt chưa đạt được và nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện.

*c) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp:*

Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế của xã như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, giá trị sản xuất, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đánh giá tổng quát các chỉ tiêu phát triển trong giai đoạn 05 năm gần nhất trên các lĩnh vực: nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại dịch vụ.

Đánh giá một số vấn đề chủ yếu có liên quan đến phát triển ngành nông nghiệp: Các hình thức tổ chức sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật, dồn điền, đổi thửa, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi....

Tổng hợp, đánh giá thế mạnh, tiềm năng và các hạn chế, nguyên nhân trong phát triển kinh tế của xã.

*d) Hiện trạng sử dụng đất và biến động các loại đất*

Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và biến động đất đai giai đoạn 2015-2020, nêu những tồn tại và bất cập trong việc phân bổ và sử dụng đất.

*e) Đánh giá thực trạng nhà ở, công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật*

Đánh giá thực trạng cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật như: hệ thống giao thông, thủy lợi; hệ thống điện, cấp thoát nước, trường học, trạm xá, chợ ...

Đánh giá về tình hình văn hóa xã hội như: Thông tin, văn hoá, thể thao và di lịch, giáo dục, y tế, an ninh - quốc phòng, hệ thống chính trị ở xã.

Đánh giá chung hiện trạng không gian kiến trúc, cảnh quan, tính chất phát triển kinh tế chủ đạo và các đặc trưng khác như về dân tộc, ảnh hưởng thiên tai thường xuyên...

## **5.2. Xác định tiềm năng, động lực chính phát triển kinh tế - xã hội:**

- Dự báo quy mô dân số, lao động, số hộ và nhu cầu việc làm của xã;
- Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo như: kinh tế thuần nông, nông lâm kết hợp; chăn nuôi; tiểu thủ công nghiệp; dịch vụ; quy mô sản xuất, sản phẩm chủ đạo, khả năng thị trường, định hướng giải quyết đầu ra;
- Xác định tiềm năng đất đai phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất (nông nghiệp sang phi nông nghiệp hoặc đất đô thị) phục vụ dân cư, công trình hạ tầng và sản xuất;
- Xác định quy mô đất xây dựng cho từng loại công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn; quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại hộ gia đình như: hộ sản xuất nông nghiệp; hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp; hộ thương mại, dịch vụ trong toàn xã;
- Các chỉ tiêu và yêu cầu quy hoạch:

Tuân thủ thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 03 năm 2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

<b>TT</b>	<b>Công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng</b>
1	Trụ sở xã	- Diện tích đất $\geq 1.000 \text{ m}^2$ - Diện tích sử dụng: $\leq 500 \text{ m}^2$
2	Nhà ở dân cư	- Diện tích $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$
3	Nhà văn hóa xã	- Diện tích đất: $\geq 1500 \text{ m}^2$
4	Nhà văn hóa thôn	- Diện tích đất $\geq 500 \text{ m}^2$
5	Trường mầm non	- Diện tích đất tối thiểu: $12 \text{ m}^2/\text{cháu}$ - Bán kính phục vụ tối đa: 1 km
6	Trường tiểu học	- Diện tích đất tối thiểu: $10 \text{ m}^2/\text{hs}$ - Tầng cao: 1- 2 tầng - Bán kính phục vụ tối đa: 1 km
7	Trường trung học cơ sở	- Diện tích đất tối thiểu: $\geq 10 \text{ m}^2/\text{hs}$ - Tầng cao: 2 - 3 tầng - Bán kính phục vụ tối đa: 2 km
8	Trạm y tế	- Diện tích đất: $\geq 500 \text{ m}^2$ - Tầng cao: 2 tầng - Có vườn thuốc $\geq 1.000 \text{ m}^2$
9	Sân bãi thể thao	- 01 sân tập thể thao và 01 nhà tập thể thao + DT sân thể thao: $\geq 100\text{m}^2/\text{sân tập từng môn}$ + Nhà thể thao đơn giản: $\geq 100\text{m}^2/\text{nhà tập}$ - Chỉ tiêu đất thể thao: $2-3\text{m}^2/\text{người}$
10	Chợ	- Quy mô Diện tích $\geq 3000\text{m}^2/\text{chợ/xã}$ - Diện tích đất XD $\geq 16\text{m}^2/\text{Điểm kinh doanh}$ - Diện tích sử dụng $\geq 3\text{m}^2/\text{Điểm kinh doanh}$
11	Bưu điện văn hóa xã	- Diện tích đất: $\geq 150 \text{ m}^2/\text{Công trình}$
12	Nghĩa trang	- Bán kính phục vụ: 3 km

TT	Công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật	Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng
13	Bãi chôn lấp rác thải	Khoảng cách ly khu dân cư $\geq 3.000\text{m}$ , công trình xây dựng $\geq 1.000\text{m}$
14	Cây xanh công cộng	Chi tiêu đất tối thiểu: $2 \text{ m}^2/\text{người}$
15	Đường từ huyện xuống xã, đường liên xã, đường từ xã đến thôn xóm; liên thôn, bản	- Chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới $\geq 3,5\text{m}/\text{làn xe}$ - Chiều rộng lề gia cố $\geq 1,5\text{m}$ - Chiều rộng mặt cắt ngang rộng: $\geq 6,5 \text{ m}$
16	Đường nối điểm dân cư thôn, bản	Mặt đường: $\geq 4\text{m}$
17	Giao thông chính nội đồng	Mặt đường: $\geq 3,0\text{m}$
18	Cấp nước sinh hoạt	Chỉ tiêu cấp nước: $\geq 60 \text{ lít}/\text{người}/\text{ngày đêm}$
19	Thoát nước thải sinh hoạt	Có hệ thống thoát nước thu gom được tối thiểu 80% lượng nước cấp
20	Cấp điện	- Chỉ tiêu cấp điện sinh tối thiểu là $200 \text{ KWh}/\text{người}/\text{năm}$ - Phụ tải $\geq 150\text{W}/\text{người}$ - Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng tối thiểu là 15% điện sinh hoạt

### 5.3. Tổ chức không gian tổng thể toàn xã, tổ chức, phân bố các khu chức năng; hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất:

#### 5.3.1. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã:

- Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo thôn, bản. Xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới và thôn, bản;

- Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ. Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bản;

- Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn, bản cũ. Xác định các chỉ tiêu quy hoạch, định hướng kiến trúc cho từng loại hình ở phù hợp với đặc điểm của địa phương;

- Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp;

- Định hướng tổ chức các khu chức năng đặc thù khác trên địa bàn xã.

#### 5.3.2. Quy hoạch sử dụng đất:

- Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;

- Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển và các thông số kỹ thuật chính cho từng loại đất, cụ thể: Đất nông nghiệp, đất xây dựng và các loại đất khác;

- Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất.

### 5.3.3. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã. Xác định khung hạ tầng phục vụ sản xuất như: đường nội đồng, kênh mương thủy lợi;

- Xác định vị trí, quy mô cho các công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: đường trục xã, đường liên thôn, đường trục thôn, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải và nghĩa trang.

### 5.3.4. Quy hoạch sản xuất

- Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã. Xác định khung hạ tầng phục vụ sản xuất như: đường nội đồng, kênh mương thủy lợi;

- Xác định vị trí, quy mô cho các công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: đường trục xã, đường liên thôn, đường trục thôn, cao độ nền, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải và nghĩa trang.

## 5.4. Lập quy hoạch sản xuất:

- Lập quy hoạch sản xuất nông nghiệp:

- + Xác định tiềm năng, quy mô của từng loại hình sản xuất: những cây trồng, vật nuôi hiện là thế mạnh của địa phương và định hướng những cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương; dự báo khả năng sản xuất, sản lượng theo từng giai đoạn. Định hướng phát triển đầu ra cho sản phẩm đem lại giá trị kinh tế cao, có giá trị trên thị trường.

- + Phân bổ khu vực sản xuất nông nghiệp hàng hóa ngành trồng trọt (lúa, màu, cây công nghiệp, cây ăn quả); khu nuôi trồng thủy sản; nhà xưởng bảo quản, chế biến; công nghiệp và dịch vụ. Hạng mục quy hoạch phải phù hợp vị trí của từng thôn.

- + Xác định mạng lưới hạ tầng gồm: Giao thông nội đồng, thủy lợi, hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất, ...

- + Giải pháp chủ yếu để phát triển đạt yêu cầu của quy hoạch.

- Quy hoạch sản xuất công nghiệp, TTCN và dịch vụ:

- + Tiềm năng phát triển công nghiệp, TTCN và dịch vụ: tài nguyên, đất đai, lao động.

- + Lựa chọn loại ngành công nghiệp, dịch vụ cần phát triển và giải pháp chủ yếu để đạt được mục tiêu xây dựng nông thôn mới.



+ Xác định chỉ tiêu phát triển công nghiệp, dịch vụ của xã (tỷ trọng giá trị công nghiệp, dịch vụ trên giá trị tổng sản lượng sản xuất trên địa bàn).

#### **5.5. Dự kiến các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:**

- Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã và kế hoạch thực hiện theo giai đoạn 2021-2030;
- Dự kiến sơ bộ nhu cầu vốn và các nguồn lực thực hiện.

#### **6. Danh mục hồ sơ:**

Nội dung, thành phần, số lượng hồ sơ đề án quy hoạch: Theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây Dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng vùng và quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính – kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Chủ tịch UBND xã Bảo Lâm; Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và quy hoạch đô thị; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng (B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBND xã Bảo Lâm (06 bản);
- C, PCVP;
- Lưu: VT, KT&HT (02 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Mạnh Cường**